TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HS-ST
Ngày 09-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn H Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Thành.

2. Bà Trần Thị Sẫm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa****:* Ông Phạm Văn Xem - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số 24/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Minh T, sinh năm: 1984 tại tỉnh Bến Tre. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TĐ, xã TB, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm: 1964 (sống) và bà Mai Thị T, sinh năm 1961 (sống); tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 19 ngày 17/4/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa:* Bà Hồ Thị Ngọc T – Trợ giúp viên pháp L của Trung tâm Trợ giúp pháp L Nhà nước tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người đại diện của bị hại Đoàn Thị H:*

Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1992.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp XT, xã TT, huyện TP, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị T, sinh năm: 1968.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp VT, xã KT, huyện B, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1959.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TL, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 40 phút ngày 31/8/2018, Trần Minh T điều khiển xe môtô biển kiểm soát 71H7-6061 lưu thông trên Quốc lộ 57 theo hướng cầu KN đi cầu BN. Khi đến km 46 + 800 thuộc ấp TL, xã TH, huyện M, thiếu chú ý quan sát nên khi phát hiện bà Đoàn Thị H đang đi bộ sang đường từ lề phải sang lề trái (theo hướng lưu thông của xe môtô do T điều khiển). Do khoảng cách với bà H quá gần nên T đánh tay lái cho xe đi về phía trái để tránh thì đụng vào bà H té ngã xuống đường gây tai nạn. Bà H được đưa cứu chữa nhưng đến 18 giờ 20 phút ngày 02/9/2018 thì tử vong.

Tang vật tạm giữ trong vụ án: 01 xe môtô biển kiểm soát 71H7-6061, số máy 7E0264988, số khung 08AY224634; 01 giấy phép lái xe số 830162001184 mang tên Trần Minh T; 01 giấy đăng ký môtô, xe máy số 021813 mang tên Trần Minh T.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường là một đoạn đường thẳng, mặt đường rộng 11m, trãi pê-tông nhựa, có vạch kẻ đường màu trắng đứt quãng (vạch kẻ tim đường) chia thành hai chiều riêng biệt, trên mỗi phần đường có vạch kẻ phân làn đường cho xe cơ giới rộng 3,5m và xe thô sơ rộng 02m, phía trước và phía sau hiện trường có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ. Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng từ cầu KN đi cầu BN, chọn tim đường làm đường chuẩn thứ tự các dấu vết đo vào đường chuẩn. Kết quả như sau: Điểm va chạm đầu tiên giữa xe môtô biển kiểm soát 71H7-6061 do Trần Minh T điều khiển và bà Đoàn Thị H nằm trên phần đường bên phải cách tim đường 0,9m, cách vạch kẻ đường dành cho người đi bộ phía trước hiện trường là 40,15m và cách vạch kẻ đường dành cho người đi bộ phía sau cách hiện trường 44,53m, xe môtô biển kiểm soát 71H7- 6061 không ngã và ở bên phần đường bên trái, trục trước cách tim đường 6,2m, trục sau cách tim đường 5,2m đồng thời cách vị trí va chạm đầu tiên 08m.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe môtô biển kiểm soát 71H7- 6061 ghi nhận: Gương chiếu hậu bên phải bị đẩy lệch từ trước về sau, đầu chắn gió bên phải phía trước bị bung hở; động cơ, còi, phanh trước và phanh sau hiệu lực.

Tại Bản kết luận giám định số 432/C09B ngày 24/12/2018 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Tại thời điểm tham gia tai nạn giao thông, hệ thống phanh trên xe môtô biển kiểm soát 71H7-6061 không bị hư hỏng do sự cố kỷ thuật, hệ thống lái trên xe môtô biển kiểm soát 71H7-6061 có các cụm chi tiết đầy đủ, lắp đặt đúng vị trí. Không phát hiện dấu vết hư hỏng do sự cố kỹ thuật trên các cụm chi tiết của hệ thống lái. Hiện tại, hệ thống lái hoạt động bình thường, không bị hư hỏng do sự cố kỹ thuật. Tại thời điểm tham gia tai nạn

giao thông, hệ thống lái trên xe môtô biển kiểm soát 71H7-6061 không bị hư hỏng do sự cố kỹ thuật.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 139/TT ngày 12/9/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Đoàn Thị H chết do chấn thương sọ não gây vỡ xương hộp sọ, xuất huyết tụ máu nội sọ và giập não.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 29 tháng 7 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M để xét xử đối với bị cáo Trần Minh T về "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng, người đại diện của bị hại là anh Nguyễn Thanh L giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố; các người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Ghi nhận bị cáo T đã thỏa thuận bồi thường chi phí thiệt hại theo yêu cầu người đại diện của bị hại số tiền 122.530.000 đồng, gồm: chi phí điều trị, mai táng phí và tiền bù đắp tổn thất tinh thần do tính mạng bị xâm phạm. Bị cáo đã bồi thường số tiền 47.000.000 đồng, số tiền này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre quản L. Bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 75.530.000 đồng.

- Về xử L vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với xe môtô biển kiểm soát 71H7-6061 cùng với 01 giấy đăng ký môtô, xe máy số 021813 của bị cáo.

Đối với 01 giấy phép lái xe số 830162001184 mang tên Trần Minh T đề nghị trả lại cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T là bà Hồ Thị Ngọc T trình bày:

- Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Minh T mà Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên không có ý kiến tranh luận về điều khoản áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi ở và công việc ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

- Về trách nhiệm dân sự, xét thấy các bên đã thỏa thuận với nhau và phù hợp với quy định của pháp luật nên không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người đại diện của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào khoảng 08 giờ 40 phút ngày 31/8/2019, trên Quốc lộ 57 tại km 46 + 800 thuộc ấp TL, xã TH, huyện M, Trần Minh T điều khiển xe môtô biển kiểm soát 71H7-6061 do thiếu chú ý quan sát nên đụng vào bà Đoàn Thị H đang đi bộ qua đường gây tai nạn (Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 23 Điều 8 và đoạn 2 khoản 4 Điều 11 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008). Hậu quả tai nạn giao thông làm bà Đoàn Thị H tử vong.

Hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm đến sự an toàn của hoạt động giao thông đường bộ và sự an toàn về sức khỏe, tính mạng của người khác. Do đó, hành vi của bị cáo T đã phạm vào "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Mặc dù tai nạn là không mong muốn, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý. Tuy nhiên, tai nạn đã gây ra hậu quả nghiêm trọng làm mất đi một người thân, gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại. Hiện nay, tình hình an ninh trật tự liên quan đến loại tội phạm này xảy ra trên địa bàn huyện ngày càng gia tăng và phức tạp, trong khi đó người tham gia giao thông chủ quan khi điều khiển phương tiện, bất chấp luật giao thông nên cần đưa vụ án ra xét xử nghiêm để phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại. Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có chị ruột là người bị khuyết tật nặng, tai nạn xảy ra có một phần lỗi của bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo với xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp với gia đình giáo dục cũng đủ.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Trần Minh T đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại theo yêu cầu người đại diện của bị hại là anh Nguyễn Thanh L, bị cáo đã nộp số tiền 47.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, phù hợp với Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 591 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên ghi nhận.

Bị cáo T có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 75.530.000 đồng.

[5] Về xử L vật chứng:

Tiếp tục tạm giữ xe môtô biển kiểm soát 71H7-6061 cùng với 01 giấy đăng ký môtô, xe máy số 021813 của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số 830162001184 mang tên Trần Minh T.

[6] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí:

Bị cáo Trần Minh T thuộc trường hợp hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 09/9/2019.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TB, huyện B, tỉnh Bến Tre phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Ghi nhận bị cáo Trần Minh T đã nộp số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng), số tiền được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án theo biên lai thu tiền số 0010417 ngày 28 tháng 6 năm 2019.

Bị cáo Trần Minh T có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại Đoàn Thị H số tiền 75.530.000đ (Bảy mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử L vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tiếp tục tạm giữ xe môtô biển kiểm soát 71H7-6061 cùng với 01 giấy đăng ký môtô, xe máy số 021813 của bị cáo Trần Minh T để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Trần Minh T 01 giấy phép lái xe số 830162001184.

Vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Về nghĩa vụ chịu tiền án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Minh T được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã TB, huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, người đại diện của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn H Dân